

Các nhân tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên trong bối cảnh học trực tuyến - Nghiên cứu thực nghiệm từ Học viện Ngân hàng

LÊ THỊ QUỲNH NHƯNG*

Tóm tắt

Bài viết đánh giá tác động của các nhân tố động lực đến kết quả học tập của sinh viên trong bối cảnh học trực tuyến do tác động của đại dịch Covid-19. Kết quả cho thấy, các lợi ích về giá trị như Phần thưởng và được khen ngợi có tác động tích cực lớn nhất đến kết quả học tập của sinh viên. Năng lực nội tại của sinh viên và Tài liệu học tập cũng đem lại hiệu quả rõ rệt đối với Kết quả học tập. Ngược lại, động lực từ các dịch vụ phụ trợ (như: ăn uống, giải khát, photo) có tác động tiêu cực. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, tác động hỗ trợ học tập từ internet là tích cực, song hiệu quả của việc học trực tuyến là tiêu cực.

Từ khóa: kết quả học tập, động lực học tập, học trực tuyến, Covid-19

Summary

This study aims to assess the effect of motivation factors on students' academic performance in the context of online learning due to the impact of the Covid-19 pandemic. The results show that value benefits such as rewards and praise have a huge effect on students' academic performance. In addition, individual capacity and learning materials is remarkably effective. However, motivation from auxiliary services such as food, drink and photocopy services has a negative impact. The impact of internet support is positive but the effect of online learning is negative.

Keywords: academic performance, learning motivation, online learning, Covid-19

GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều trường đại học nói chung và Học viện Ngân hàng nói riêng đã quyết định kết hợp giảng dạy qua các phần mềm trực tuyến. Đây là phương pháp giảng dạy mới đối với cả giảng viên và sinh viên. Do đó, tìm hiểu về tác động của nó đến kết quả học tập của sinh viên là vô cùng cần thiết dưới góc độ của bản thân người học và của các nhà quản lý nhằm hạn chế tác động tiêu cực và nâng cao hiệu quả từ phương pháp giảng dạy mới.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Kết quả học tập thường được coi là sự phản ánh mức độ thành công trong

học tập, được thể hiện thông qua điểm tổng kết năm học. Kết quả học tập bị tác động từ nhiều nhân tố khác nhau liên quan đến động lực học tập. Qua tổng hợp các nghiên cứu của Pintrich (2003), CEP (2012), có 4 khía cạnh liên quan đến động lực, gồm: Năng lực (competence); Khả năng kiểm soát, tự chủ (control/autonomy); Sự yêu thích, lợi ích, giá trị nhiệm vụ (interest/value); Mối quan hệ liên quan (relatedness). Ít nhất một trong những thành phần trên phải được thỏa mãn để sinh viên cảm thấy có động lực hoàn thành một hoạt động hoặc hướng tới mục tiêu. Càng nhiều thành phần được đáp ứng mạnh mẽ, động lực mà sinh viên cảm thấy sẽ càng lớn.

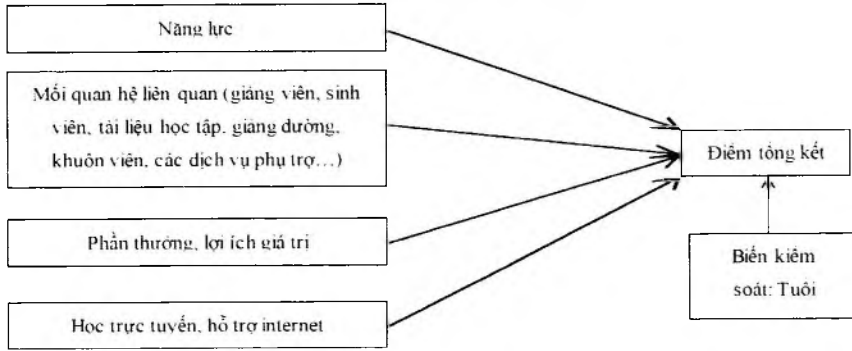
Miller (2008), Mueller và Dweck (1998)... cho rằng, phần thưởng là một nhân tố tạo động lực tốt cho người học. Trong quá trình theo đuổi phần thưởng, người học có thể đạt được điều gì đó như kỹ năng học tập tốt hơn hoặc sự tự tin cao hơn, điều đó sẽ dẫn đến những thay đổi của hành vi, ngay cả khi phần thưởng biến mất.

Nhiều nghiên cứu lại khẳng định, các mục tiêu với hạn thời gian nhất định là một động lực trong quá trình học tập. Các nhà lý thuyết mục tiêu thường chia các

* Bộ môn Toán, Học viện Ngân hàng

Ngày nhận bài: 20/3/2021; Ngày phản biện: 10/5/2021; Ngày duyệt đăng: 15/5/2021

HÌNH 1: KHUNG PHÂN TÍCH CỦA NGHIÊN CỨU



BẢNG 1: TÊN CÁC NHÂN TỐ VÀ BẢNG HỎI

Nhóm biến	Nhân tố	Câu hỏi
Năng lực	TuTin	Bản thân tư tin về sự thành công chiếm lĩnh kiến thức?
	MucDich	Mục đích của tôi khi học tài liệu môn học? (Bao gồm: "Nắm được rất tốt", "Nắm được tốt", "Nắm được cơ bản", "Chỉ cần nắm được chút" và "Không có mục đích rõ ràng")
	MucDoNamBat	Mức độ nắm bắt nội dung trọng tâm của mỗi buổi học?
	TS_TTrinh	Mức độ thường xuyên tham gia phát biểu/thuyết trình ở lớp?
	MucTieu	Bản thân có hay đặt trước các mục tiêu học tập cho mỗi môn học không?
	DL_MucTieu	Mục tiêu học tập tác động thế nào đến quá trình hoàn thành môn học của tôi?
	QLTGian	Thời gian tôi học ở nhà là...? (Từ "Rất không đủ" cho đến "Rất nhàn")
	TapTrung	Trong giờ học, tôi có bỏ lỡ những điểm quan trọng vì sự chi phối từ những thứ khác?
	TS_NghiHoc	Số lượng buổi nghỉ học trung bình/1 học kỳ?
Mối quan hệ liên quan (giảng viên, sinh viên, tài liệu học tập, giảng đường, khuôn viên, các dịch vụ phụ trợ...)	TLieuHT	Tài liệu học tập (giáo trình, tài liệu liên quan) được giới thiệu hiện nay đáp ứng nhu cầu?
	DL_TLieuHT	Đánh giá mức độ tạo hứng thú học tập tích cực từ tài liệu học tập đối với bạn?
	GDuongKV	Đánh giá về khung cảnh giảng đường, khuôn viên ngôi trường?
	DL_GDuongKV	Đánh giá mức độ gây hứng thú đi học/học tập của khung cảnh giảng đường, khuôn viên trường học?
	CLB	Đánh giá về sự lôi cuốn của các câu lạc bộ?
	DL_CLB	Đánh giá mức độ tạo động lực học tập tích cực của các câu lạc bộ?
	DichVuPT	Bạn có hài lòng với các dịch vụ phụ trợ: dịch vụ nhà ăn, giải khát, photo...?
	DL_DichVuPT	Dịch vụ phụ trợ (dịch vụ nhà ăn, giải khát...) có gây hứng thú đến trường?
	DL_SVien	Đánh giá mức độ tạo động lực học tập tích cực từ các mối quan hệ với bạn bè, anh chị em đang là sinh viên?
	DL_CuuSV	Đánh giá mức độ tạo động lực học tập tích cực từ các mối quan hệ với anh chị là cựu sinh viên (bao gồm các anh chị đang học cao học, tiến sĩ)?
	GDinh	Gia đình quan tâm về tình hình học tập của tôi?
	DL_GDinh	Đánh giá mức độ tạo động lực học tập tích cực từ gia đình đối với bạn?
	GV_KK	Các giảng viên của tôi khuyến khích sinh viên thảo luận/phát biểu trong lớp?
	GV_KN	Giảng viên có thường khen ngợi sinh viên?
	HTGV	Khi bạn đã nhờ giảng viên hỗ trợ trong học tập, các phản hồi là kịp thời?
	TS_HTVG	Khi cần giúp đỡ, bản thân có thường nhờ (qua mail, điện thoại) sự hỗ trợ của giảng viên không?
DL_HTVG	Đánh giá mức độ tạo động lực học tập từ sự hỗ trợ giải đáp từ giảng viên?	
Phần thưởng, lợi ích giá trị	DL_PhanThuong	Phần thưởng, học bổng có phải là động lực học tập của tôi?
	DL_DKaNgoi	Được ghi nhận tích cực/khen ngợi ở lớp có gây động lực học tập cho tôi?
Học trực tuyến, hỗ trợ internet	HQ_Online	Đánh giá mức độ tạo hứng thú/hỗ trợ học tập từ việc học online?
	HQ_Inter	Đánh giá mức độ tác động/hỗ trợ việc học tập từ nguồn internet?

mục tiêu giáo dục thành hai nhóm: mục tiêu thực hiện và mục tiêu làm chủ thành công. Barry (2007) kết luận, khi sinh viên thiếu động lực học tập, họ sẽ không thiết lập mục tiêu của riêng mình, song nếu được giúp đạt mục tiêu, họ có thể thiết lập động lực và tăng thành tích học tập. Nghiên cứu còn cho thấy, các mục tiêu càng thực tế, mức độ ảnh hưởng càng lớn. Pintrich (2003) cũng nhận thấy, khi mục tiêu rõ ràng và thống nhất, thì các cá nhân sẽ có động lực hơn và thực hiện tốt hơn. Tuy nhiên, theo Atkinson (1964), những mục tiêu quá khó đang làm mất động lực, do đó, các mục tiêu cần phải phù hợp với chính người học.

Báo cáo của CEP (2012) cho thấy, các loại hình học tập khác nhau, như: học qua mạng, học tương tác trên lớp với các tình huống thực tế, học qua các hoạt động ngoại khóa là nhân tố chi phối động lực học tập. Sự hứng thú tiếp xúc với công nghệ hiện đại, bao gồm: internet, điện thoại thông minh và kết nối qua các mạng xã hội góp phần chi phối động lực học tập của người học, từ đó tác động lên kết quả học tập.

Ngoài ra, một số nghiên cứu chỉ ra rằng, tuổi tác có ảnh hưởng đến kết quả học tập (Morrison và cộng sự, 2005; Sheard, 2008).

Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu, tác giả xây dựng khung phân tích tại Hình 1.

Phương pháp nghiên cứu

Tác giả tiến hành gửi bảng hỏi đến các lớp học trực tuyến thông qua giảng viên của các khoa trong Học viện Ngân hàng. Thời gian tiến hành khảo sát từ ngày 24/02/2021 đến ngày 01/3/2021. Đây là thời gian Học viện Ngân hàng tiến hành giảng dạy trực tuyến. Tổng số có 1.098 sinh viên trả lời khảo sát. Sau khi làm sạch, còn lại 690 mẫu được sử dụng cho phân tích định lượng.

Bảng hỏi được đánh giá theo thang đo Likert 5 cấp độ, với 1 - Tính hiệu quả/sự tích cực thấp nhất và 5 - Tính hiệu quả/sự tích cực cao nhất. Tên nhân tố và câu hỏi tương ứng được thể hiện tại Bảng 1. Kết quả học tập được đo lường thông qua biến Điểm (Diem), tổng hợp từ điểm tin chỉ tích lũy (DiemTLTC) và điểm tin chỉ học kỳ gần nhất (DiemTBTC) của sinh viên.

Quá trình phân tích được tiến hành theo 3 bước:

Bước 1: Phân tích nhân tố khám phá (EFA) bởi phần mềm SPSS.

Bước 2: Phân tích nhân tố khẳng định (CFA) bởi phần mềm AMOS. Từ đó, tìm

được các biến đại diện cho các nhóm nhân tố.

Bước 3: Ước lượng định lượng phân tích tác động của các biến đến kết quả học tập bởi phần mềm SPSS.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân tích EFA

Kết quả phân tích EFA cho biết, các nhân tố được nhóm thành 11 biến tiềm ẩn. Tác giả tiến hành kiểm định hệ số KMO để xem xét sự thích hợp của phân tích EFA, kết quả cho hệ số KMO = 0,83 > 0,7, nên đạt yêu cầu tốt. Hệ số Bartlett có ý nghĩa ở mức 1%, nên các nhân tố có tương quan với nhau trong một biến tiềm ẩn. Hệ số tích lũy là 0,61, đáp ứng yêu cầu tối thiểu là 50%. Các hệ số tải đều > 0,3, trừ hệ số của một nhân tố xấp xỉ 0,3, song nhân tố này giúp tránh tải chéo của bộ 2 biến tiềm ẩn, nên được giữ lại cho phân tích CFA.

Phân tích CFA

Từ 11 nhóm biến tiềm ẩn, tác giả tiến hành kiểm định CFA, loại bỏ các nhân tố có hệ số tải < 50%. Riêng hệ số tải của HQ_Online = 0,48 < 50%, song được cân nhắc để tiếp tục kiểm tra việc giữ 2 nhân tố trong cùng 1 biến là hợp lý hay không.

Tác giả tiến hành kiểm định hệ số độ tin cậy tổng hợp cho 11 nhóm biến. Kết quả kiểm định CFA ở Bảng 2 cho thấy, nhóm biến 11 có hệ số độ tin cậy tổng hợp nhỏ (0,409 < 0,6), do đó tác giả loại bỏ biến này và sẽ được xét tách biệt để phân tích tác động. Nhóm biến 7 có giá trị độ tin cậy tổng hợp chấp nhận được với mẫu quan sát lớn (thuộc [0,6; 0,7]), song có tương quan với nhóm biến 3, nên nghiên cứu tiến hành loại bỏ.

Kết quả sau phân tích CFA được thể hiện tại Hình 3, tác giả tiến hành đặt tên các biến đại diện cho các nhóm nhân tố như sau: Giảng viên (GV); Năng lực nội tại trong mỗi sinh viên (NangLuc); Câu lạc bộ (CLB); Điểm (Diem); Dịch vụ phụ trợ (DV); Gia đình (GD); Giảng đường, khuôn viên (GDKV); Động lực được phần thưởng và được khen ngợi (LoiIch); Tài liệu (TaiLieu). Hệ số tải của các nhân tố đều đạt từ 50% trở lên. Các tiêu chuẩn CMIN/df = 2,837; CFI = 0,923; GFI = 0,926; RMSEA = 0,052 và PCLOSE = 0,279. Như vậy, các nhân tố khẳng định cho biến đại diện là phù hợp.

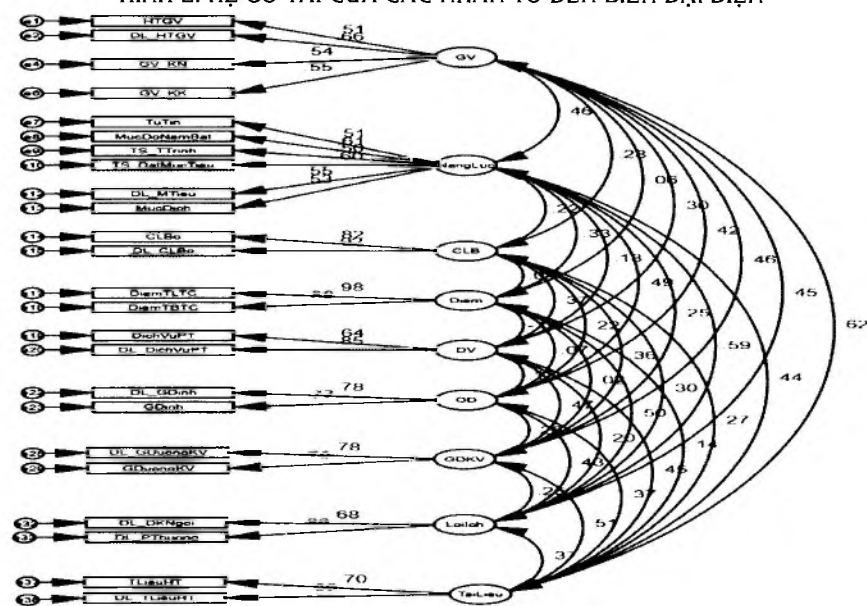
Phân tích tác động của các biến

Kết quả kiểm định cho biết, hệ số của biến đại diện Giảng viên (GV) và Tài liệu

BẢNG 2: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CFA

Nhóm nhân tố	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
CR	0.652	0.727	0.865	0.93	0.719	0.75	0.631	0.757	0.748	0.646	0.409

HÌNH 2: HỆ SỐ TẢI CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN BIẾN ĐẠI DIỆN



học tập (TaiLieu) có hệ số tin cậy tổng hợp chấp nhận được với mẫu lớn. Phân tích của tác giả cho thấy, có sự tương quan giữa một nhân tố khẳng định của GV là GV_KK và TaiLieu; do đó, mô hình định lượng bao gồm TaiLieu và GV_KK. Ngoài ra, do biến ONL có hệ số tin cậy tổng hợp nhỏ, hệ số tải của một nhân tố là 0,48 < 50%, nên mô hình được ước lượng tách biệt hai nhân tố là HQ_Online và HQ_Inter. Biến kiểm soát đại diện cho tuổi là SvNam. Các biến khác, như: GDKV, CLB chưa tìm thấy ý nghĩa thống kê.

Kết quả ở ước lượng Bảng 3 có R² hiệu chỉnh là 0,89, cho thấy mô hình giải thích được 89% sự tác động đến biến phụ thuộc. Mô hình thỏa mãn các kiểm định khác, như: kiểm định F_test, kiểm định Anova, biểu đồ phần dư chuẩn hóa có phân phối chuẩn.

Phân tích tác động cụ thể của từng biến như sau:

- Tuổi (SvNam) có ý nghĩa thống kê khi xét tác động đến kết quả học tập. Trong giới hạn lứa tuổi sinh viên, trung bình sau 1 năm, điểm trung bình tín chỉ của sinh viên tăng thêm 0,042.

- Động lực được phần thưởng và được khen ngợi (LoiIch) có ý nghĩa thống kê mạnh mẽ với hệ số tác động 0,306. Điều này khẳng định, khi phần thưởng tăng lên, kết quả học tập của sinh viên có cải thiện rõ rệt.

- Năng lực nội tại trong mỗi sinh viên (NangLuc) có tác động mạnh mẽ đến Kết quả học tập với hệ số tác động 0,216. Điều này phản ánh sự chi phối của năng lực nội tại và khả năng tự chủ của sinh viên đối với kết quả học tập là lớn.

- Tài liệu học tập (TaiLieu) có tác động tích cực đến Kết quả học tập với hệ số tác động 0,123. Đây là biến có tương quan cao với Giảng viên.

BẢNG 3: KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG MÔ HÌNH

Biến	Hệ số
SvNam	0,042 *** (0,015)
NangLuc	0,216 *** (0,065)
TaiLieu	0,123 ** (0,055)
GV_KK	0,050 ** (0,024)
LoiIch	0,306 *** (0,025)
DV	-0,063 ** (0,027)
HQ_Online	-0,038 ** (0,017)
HQ_Inter	0,069 *** (0,018)
R ²	0,89

(***: có ý nghĩa mức 1%; **: có ý nghĩa mức 5%)

- Giảng viên khuyến khích sinh viên phát biểu, thuyết trình (GV_KK) có hệ số tác động 0.05. Điều này nghĩa là, bên cạnh động lực từ các phần thưởng, thì sự khen ngợi của giảng viên tác động rất tích cực cho kết quả học tập.

- Hiệu quả của các dịch vụ phụ trợ (DV) tác động tiêu cực đến Kết quả học tập. Như vậy, việc thỏa mãn nhu cầu của sinh viên quá cao sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập.

- Hiệu quả của học trực tuyến (HQ_Online) có hệ số âm, điều này cho thấy tác động tiêu cực đến Kết quả học tập. Tính trung bình, việc triển khai học trực tuyến gây các tác động tiêu cực với hệ số là -0,038. Tuy nhiên, hiệu quả của internet (HQ_Inter) là tích cực và có hệ số lớn hơn khi so sánh giá trị tuyệt đối.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các lợi ích về giá trị như Phần thưởng và được khen ngợi có tác động lớn

nhất đến Kết quả học tập của sinh viên, tiếp đó là Năng lực nội tại của sinh viên và Tài liệu học tập. Tác động hỗ trợ học tập từ internet là tích cực, song hiệu quả của việc học trực tuyến là tiêu cực. Các dịch vụ phụ trợ cũng có ảnh hưởng tiêu cực đến Kết quả học tập. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra một số hàm ý sau:

- Nhà trường nói chung và các giảng viên nói riêng nên chú trọng thiết kế thêm nhiều các phần thưởng, kể cả các phần thưởng nhỏ để ghi nhận các nỗ lực và cố gắng của sinh viên.

- Phát triển các dịch vụ phụ trợ (dịch vụ ăn uống, giải khát, photo...) theo định hướng tinh gọn, cân nhắc kỹ khi phát triển các dịch vụ này.

- Nâng cao chất lượng giáo trình, có chiến lược định hướng xây dựng hệ thống sách giáo trình chất lượng cao. Đồng thời, giảng viên cần thiết kế tài liệu giảng dạy hấp dẫn, hiệu quả và cải thiện dần trong quá trình giảng dạy. Ngoài ra, giảng viên cũng cần khuyến khích sinh viên phát biểu, thuyết trình kèm theo phát huy động lực của các phần thưởng và sự khen ngợi để tác động tích cực đến kết quả học tập của sinh viên.

- Trong bối cảnh chuyển sang dạy học trực tuyến, các giảng viên và đặc biệt là sinh viên cần chú trọng đầu tư, nâng cấp chất lượng đường truyền internet. Nhà trường và giảng viên cần hỗ trợ, đồng hành cùng người học để khai thác hiệu quả từ internet thông qua các giáo trình và tài liệu giảng dạy trực tuyến, hướng tới xây dựng kho tài nguyên số giúp sinh viên dễ dàng truy cập từ xa. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Atkinson, J. W. (1964). *An introduction to motivation*, Princeton, NJ: Von Nostrand
2. Barry, N. H. (2007). Motivating the reluctant student, *American Music Teacher*, 56(5), 23-27
3. CEP (2012). *Student motivation: An overlooked piece of educational reform*, The George Washington University, USA
4. Miller, S. J. (2008). *Schools use cash as an incentive to boost attendance and scores*, access to <http://www.csmonitor.com/USA/Society/2008/0429/p20s01-ussc.html>
5. Morrison, J., Merrick, B., Higgs, S., Métails, J. Le. (2005). Researching the performance of international students in the UK, *Studies in Higher Education*, 30(3), 327-337
6. Mueller, C. M., Dweck, S. (1998). Praise for intelligence can undermine children's motivation and performance, *Journal of Personality and Social Psychology*, 75(1), 33-52
7. Pintrich, P. R. (2003). A motivational science perspective on the role of student motivation in learning and teaching contexts, *Journal of Educational Psychology*, 95(4), 667-686
8. Sheard, M. (2008). Hardiness commitment, gender, and age differentiate university academic performance, *British Journal of Educational Psychology*, 79(1), 189-204